

Số: 2481 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 12 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phân loại bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành kèm theo Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 857/TTr-SNV ngày 17 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại 2.509 bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố (có biểu tổng hợp kèm theo) trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Thành phố Sơn La: 145 bản, tổ dân phố trong đó bản, tổ dân phố loại 1: 15; bản, tổ dân phố loại 2: 19; bản, tổ dân phố loại 3: 111 (Có phụ lục 1 kèm theo);

2. Huyện Quỳnh Nhai: 109 bản, xóm trong đó bản, xóm loại 1: 12; bản, xóm loại 2: 32; bản, xóm loại 3: 65 (Có phụ lục 2 kèm theo);

3. Huyện Sông Mã: 411 bản, tiểu khu trong đó bản, tiểu khu loại 1: 16; bản loại 2: 134; bản loại 3: 261 (Có phụ lục 3 kèm theo);

4. Huyện Yên Châu: 182 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 9; bản loại 2: 56; bản, tiểu khu loại 3: 117 (Có phụ lục 4 kèm theo);

5. Huyện Sốp Cộp: 106 bản trong đó bản loại 1: 14; bản loại 2: 40; bản loại 3: 52 (Có phụ lục 5 kèm theo);

6. Huyện Mộc Châu: 193 bản, tiểu khu trong đó bản, tiểu khu loại 1: 32; bản, tiểu khu loại 2: 57; bản, tiểu khu loại 3: 104 (Có phụ lục 6 kèm theo);

7. Huyện Vân Hồ: 121 bản trong đó bản loại 1: 11; bản loại 2: 68; bản loại 3: 42 (Có phụ lục 7 kèm theo);

8. Huyện Phù Yên: 215 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 20; bản loại 2: 94; bản loại 3: 101 (Có phụ lục 8 kèm theo);

9. Huyện Bắc Yên: 103 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 12; bản loại 2: 60; bản loại 3: 31 (Có phụ lục 9 kèm theo);

10. Huyện Thuận Châu: 391 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 26; bản loại 2: 144; bản loại 3: 221 (Có phụ lục 10 kèm theo);

11. Huyện Mường La: 206 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 16; bản loại 2: 91; bản loại 3: 99 (Có phụ lục 11 kèm theo)

12. Huyện Mai Sơn: 327 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 16; bản loại 2: 89; bản loại 3: 222 (Có phụ lục 12 kèm theo);

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận số lượng, phân loại bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, ban, ngành; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (30b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



BIỂU TỔNG HỢP PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TOÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	TỔNG SỐ BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ ĐƯỢC PHÂN LOẠI				GHI CHÚ
		Tổng số	Loại 1	Loại 2	Loại 3	
1	Thành phố Sơn La	145	15	19	111	
2	Huyện Quỳnh Nhai	109	12	32	65	
3	Huyện Sông Mã	411	16	134	261	
4	Huyện Yên Châu	182	9	56	117	
5	Huyện Sốp Cộp	106	14	40	52	
6	Huyện Mộc Châu	193	32	57	104	
7	Huyện Vân Hồ	121	11	68	42	
8	Huyện Phù Yên	215	20	94	101	
9	Huyện Bắc Yên	103	12	60	31	
10	Huyện Thuận Châu	391	26	144	221	
11	Huyện Mường La	206	16	91	99	
12	Huyện Mai Sơn	327	16	89	222	
Tổng số		2509	199	884	1426	



Phụ lục 1

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SƠN LA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tổ dân phố			Tổng số
		Loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Phường Chiềng Lề	1	4	8	13
		Bản Lầu	Tổ 3	Tổ 1	
			Tổ 5	Tổ 2	
			Tổ 8	Tổ 4	
			Tổ 12	Tổ 6	
				Tổ 7	
				Tổ 9	
				Tổ 10	
				Tổ 11	
2	Phường Tô Hiệu	2	0	8	10
		Tổ 3		Tổ 1	
		Tổ 8		Tổ 2	
				Tổ 4	
				Tổ 5	
				Tổ 6	
				Tổ 7	
				Tổ 9	
				Bản Hợ	
3	Phường Chiềng An	2	2	6	10
		Tổ 3	Bản Cọ	Tổ 1	
		Tổ 4	Bản Phứa Cón	Tổ 2	
				Bản Hải	
				Bản Cá	
				Bản Quỳnh An	
				Bản Quỳnh Tiến	
4	Phường Quyết Thắng	3	3	9	15
		Bản Giảng Lắc	Tổ 3	Tổ 1	
		Tổ 14	Tổ 6	Tổ 2	
		Tổ 8	Tổ 9	Tổ 4	
				Tổ 5	
				Tổ 10	
				Tổ 11	
				Tổ 12	
				Tổ 13	
				Tổ 15	
5	Phường Chiềng Cơi	0	1	7	8
			Bản Chậu Cọ	Tổ 1	
				Tổ 2	
				Tổ 3	
				Bản Buôn	
				Bản Bó Ân	
				Bản Cóong Nọi	
				Bản Mé Ban	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tổ dân phố			Tổng số
		Loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
6	Phường Quyết Tâm	2	0	9	11
		Tổ 2		Tổ 1	
		Tổ 11		Tổ 3	
				Tổ 4	
				Tổ 5	
				Tổ 6	
				Tổ 7	
				Tổ 8	
				Tổ 9	
				Tổ 10	
7	Phường Chiềng Sinh	3	1	14	18
		Tổ 1	Tổ 2	Tổ 4	
		Tổ 3		Tổ 5	
		Tổ 6		Tổ 7	
				Tổ 8	
				Tổ 9	
				Tổ 10	
				Tổ 11	
				Tổ 14	
				Tổ 15	
				Tổ 17	
				Bản Hẹ	
				Bản Phung	
				Bản Thẩm Mạ	
				Bản Cang	
8	Xã Chiềng Xôm	1	1	8	10
		Bản Tông	Bản Săng	Bản Phiêng Ngựa	
				Bản Panh	
				Bản Có Mòn	
				Bản Thè Dừn	
				Bản Phiêng Hay	
				Bản Ái	
				Bản Hụm	
				Bản Lả Mường	
9	Xã Hua La	0	3	12	15
			Bản Co Phung	Bản San	
			Bản Lun	Bản Púa Nhọt	
			Bản Nam	Bản Nẹ Tở	
				Bản Nẹ Nưa	
				Bản Bó Cầm	
				Bản Mòng	
				Bản Kham	
				Bản Hịa	
				Bản Săng	
				Bản Lụa	
				Bản Pọng	
				Bản Hoàng Văn Thụ	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tổ dân phố			Tổng số
		Loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
10	Xã Chiềng Ngần	0	1	14	15
			Bản Pát	Bản Dừn	
				Bản Khoang	
				Tiểu Khu I	
				Bản Co Pục	
				Bản Híp	
				Bản Nong La	
				Bản Púng	
				Bản Phường	
				Bản Nà Ngần	
				Bản Ca Láp	
				Bản Kềm	
				Bản Ổ	
				Bản Muông	
				Bản Nà Lo	
11	Xã Chiềng Cọ	1	1	7	9
		Bản Hòm	Bản Hùn	Bản Dầu	
				Bản Ót Luông	
				Bản Ót Nội	
				Bản Ngoại	
				Bản Chiềng Yên	
				Bản Muông	
				Bản Bôm Huốt	
12	Xã Chiềng Đen	0	2	9	11
			Bản Pàng	Tòng Xét	
			Bản Tam	Nong Lọ	
				Quỳnh Tam	
				Quỳnh Phố	
				Phiêng Tam	
				Phiêng Nghè	
				Nam Niệu	
				Bôm Nam	
				Bản Giáng	
	Tổng số	15	19	111	145





Phụ lục 2

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, XÓM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUỲNH NHAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/1/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, thôn, xóm			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Chiềng Bàng	0	2	9	11
			Bản Ba Nhất	Bản Bìa Ban	
			Bản Bung Én	Bản Pu Khoang	
				Bản Chạ Lóng	
				Bản Lọng Đán	
				Bản Khoan	
				Bản Púa Xe	
				Bản Ngáy	
				Bản Canh	
				Bản Pom Sinh	
2	Xã Chiềng Khoang	2	4	5	11
		Bản Hán	Bản Nà Pát	Bản Hậu	
		Bản Phiêng Lý	Bản Ca	Bản Khoang	
			Bản He	Bản Cầu Cang	
			Bản Săn	Bản Đông	
				Bản Hua Lý	
3	Xã Nậm É	0	4	7	11
			Bản Cà Pổng	Bản Nong	
			Cọ Muông	Bản Hào	
			Bản Tốm	Bản Huổi Hẹ	
			Bản Dọ	Bản Bó Ún	
				Bản Bom Hán	
				Bản Giáng Ún	
				Bản Lạn Săn	
4	Xã Chiềng Ôn	0	1	5	6
			Bản Đồng Tâm	Bản Huổi Ná	
				Bản Đán Dăm	
				Bản Xe	
				Bản Lốm Lầu	
				Bản Bình Yên	
5	Xã Mường Giôn	3	2	14	19
		Bản Xa	Bản Giôn	Bản Khóp	
		Bản Bo Xanh	Bản Huổi Ngà	Bản Huổi Tèo	
		Bản Phiêng Mọt I		Bản Phiêng Mọt II	
				Bản Hua Xanh	
				Bản Chiềng Lề	
				Bản Cút	
				Bản Lọng Mường	
				Bản Mắc Lú	
				Bản Nà Mạt	
				Bản Cha Có	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, thôn, xóm			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Huổi Mặn	
				Bản Pá Ngà	
				Bản Huổi Vắn	
				Bản Kéo Ca	
66	Xã Mường Sại	0	6	2	8
			Bản Búa Bon	Bản Muôn	
			Bản Cỏi	Bản Huổi Tôm	
			Bản Ít		
			Bản Nhà Sảy		
			Bản Pha Đảo		
			Bản Ten Tre		
7	Xã Pá Ma Pha Khinh	1	1	3	5
		Bản Tậu Khúm	Bản Kích Máng	Bản Púm	
				Bản Khoang	
				Bản Pá Le	
8	Xã Mường Chiên	0	1	2	3
			Bản Quyền	Bản Bon	
				Bản Hế	
9	Xã Cà Nàng	0	1	7	8
			Bản Phướng	Bản Cà Nàng	
				Bản Huổi Suông	
				Bản Ít Phảy	
				Bản Pho Pha	
				Bản Lò Củ	
				Bản Pạ Lò	
				Bản Phát	
10	Xã Chiềng Khay	1	6	6	13
		Bản Nà Mùn	Bản Pá Bó	Bản Nong Trạng	
			Bản Phiêng Bay	Bản Nặm Ngùa	
			Bản Lọng Ô	Bản Có Nàng	
			Bản Có Nội	Bản Khâu Pùm	
			Bản Có Luông	Bản Co Que	
			Bản Ít Ta Bót	Bản Nặm Tấu	
11	Xã Mường Giàng	5	4	5	14
		Bản Hua Chai	Bản Đán Đanh	Bản Mường Giàng	
		Bản Phiêng Nền	Xóm 2	Bản Lồm Khiêu	
		Bản Bung Lanh	Xóm 3	Bản Phiêng Ban	
		Xóm 1	Xóm 5	Bản Kiều Hát	
		Xóm 4		Bản Pá Uôn	
	Tổng số	12	32	65	109

Phụ lục 3

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÔNG MÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Thị trấn Sông Mã	5	0	0	5
		Tổ dân phố 1			
		Tổ dân phố 2			
		Tổ dân phố 3			
		Tổ dân phố 4			
		Tổ dân phố 5			
2	Xã Mường Sai	1	2	10	13
		Bản Ổ	Bản Sai	Bản Co Đứa	
			Bản Nà Hò	Bản Kỳ Ninh	
				Bản Tiên Chung	
				Bản Tin Tộc	
				Bản Lọng Lót	
				Bản Nong Phạ	
				Bản Tân Hồng	
				Bản Nà Un Ngoài	
				Bản Púng Cầm	
				Bản Nà Un Trong	
3	Xã Chiềng Khương	3	15	3	21
		Bản Thống Nhất	Bản Tân Lập	Bản Huổi Nương	
		Bản Khương Tiên	Bản Tiên Sơn	Bản Quyết Thắng	
		Bản Chiềng Khương	Bản Híp	Bản Cỏ	
			Bản Búa		
			Bản Bó		
			Bản Hưng Hà		
			Bản Ten Pạnh		
			Bản Puông		
			Bản Mo		
			Huổi Mo		
			Bản Là		
			Bản Liên Hồng		
			Bản Pục		
			Bản Đen		
			Bản Phụ		
4	Xã Chiềng Cang	1	5	27	33
		Bản Chiềng Cang	Bản Bó Lạ	Bản Nà Hỳ	
			Bản Có	Bản Tre	
			Bản Hua Tát	Bản Cù	
			Bản Nà Tý	Bản Nhạp	
			Bản Pá Nỏ	Bản Cang	
				Bản Trung Châu	
				Bản Hát Sét	
				Bản Huổi Cuổng	
				Bản Thón	
				Bản Ta Tạng	
				Bản Hong Ngay	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Anh Dũng	
				Bản Tin Tát	
				Bản Nà Bon	
				Bản Bằng Lặc	
				Bản Chiềng Xôm	
				Bản Đầu Mường	
				Bản Huổi So	
				Bản Huổi Tao	
				Bản Trung Dũng	
				Bản Mỏ	
				Nhọt Có	
				Bản Kiến Lâm	
				Bản Co Tông	
				Bản Ít Lót	
				Bản Huổi Dáng	
				Bản Tiên Cang	
5	Xã Mường Hung	0	9	32	41
			Bản Muôn	Bản Huổi Ồi	
			Bản Cương Chính	Bản Nà Ngần	
			Bản Nà Cầm	Bản Yên Sơn	
			Bản Trung Dũng	Bản Cát	
			Bản Phiêng Pên	Bản Lúa	
			Bản Đội 6	Bản Kéo Co	
			Bản Ít	Bản Huổi Bua	
			Bản Mường Hung	Bản Kéo	
			Bản Hong Dôm	Bản Pho	
				Bản Phiêng Hoi	
				Bản Nà Ái	
				Bản Huổi	
				Bản Hát 8	
				Bản Co Kướm	
				Bản Co Tra	
				Bản Hát So	
				Bản Còi	
				Bản Quỳnh Long	
				Huổi Hìn	
				Bản Om	
				Bản Bua Hìn	
				Bản Phiêng Lươn	
				Bản Nà Lửa	
				Bản Mường Tợ	
				Bản Áng	
				Bản Huổi Khôm	
				Bản Nà Nồng	
				Bản Bua Xá	
				Bản Phiêng Pính	
				Bản Nà Hứa	
				Bản Lọng Niếng	
				Bản Phiêng Nghịu	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
6	Xã Mường Cai	0	7	8	15
			Bản Nà Dòn	Bản Huổi Co	
			Bản Mường Cai	Bản Nà Khăm	
			Bản Huổi Hư	Bản Co Phường	
			Bản Háng Lìa	Bản Xia Kia	
			Bản Huổi Khe	Bản Ta Lát	
			Bản Co Bay	Bản Sài Khao	
			Bản Huổi Mười	Bản Phiêng Piêng	
				Bản Pá Vẹ	
7	Xã Chiềng Khoong	1	11	38	50
		Bản Hải Sơn	Bản Lẻ	Bản Liên Phương	
			Bản Khong Tợ	Bản Hồng Nam	
			Bản Lướt	Bản Xi Lô	
			Bản Mòn	Bản Hoàng Mã	
			Bản Pìn	Bản Púng Kiểng	
			Bản Chiên	Bản C5	
			Bản Púng	Bản Bướm Ổ	
			Bản Cang	Bản Huổi Bó	
			Bản Huổi Hào	Bản Huổi Mòn	
			Bản Hát Lay	Bản Co Phen	
			Bản Pá Bông	Bản Nà Ngập	
				Bản Bó Sắn	
				Bản Co Sắn	
				Bản Tân Hưng	
				Bản Huổi Nóng	
				Bản Hua Na	
				Bản Đứa Muội	
				Bản Bó Luông	
				Bản Bó Quỳnh	
				Bản Lán Lanh	
				Bản Đội 3	
				Bản Lụng Quai	
				Bản Ta Bay	
				Bản Huổi Xim	
				Bản Bó Chạy	
				Bản Phiêng Xim	
				Bản Co Tòng	
				Bản Nộc Kỳ	
				Bản Bon	
				Bản Pá Ban	
				Bản Pá Khôm	
				Bản Búa Cốp	
				Bản Huổi Khoong	
				Bản Pá Có	
				Bản Nậm Sỏi	
				Bản Chiềng Còi	
				Bản Co Hay	
				Bản Ít Lốc	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
8	Xã Huổi Mát	0	6	15	21
			Bản Nậm Pù	Bản Co Mạ	
			Bản Kéo	Bản Túp Phạ A	
			Bản Pàn	Bản Nà Hạ	
			Bản Pá Công	Bản Ta Hốc	
			Bản Co Kiểng	Bản Nong Ke	
			Bản Phá Thổng	Bản Pá Mần	
				Bản Cang Cói	
				Bản Nà Nghiều	
				Bản Lọng Mòn	
				Bản Huổi Pàn	
				Bản Khua Họ	
				Bản Túp Phạ B	
				Bản Pa Tết	
				Bản Bằng Vúng	
				Bản Hợp Tiến	
9	Xã Nậm Mần	0	3	9	12
			Bản Chạy Cang	Bản Huổi Khoang	
			Bản Nậm Mần	Bản Pá Ban	
			Bản Púng Khương	Bản Púng Hày	
				Bản Chả	
				Bản Nhà Sày	
				Bản Nà Luông	
				Bản Nà Cà	
				Bản Huổi	
				Bản Chu Vai	
10	Xã Nà Nghiu	1	18	18	37
		Bản Mé Bon	Bản Quyết Tiến	Bản Hưng Mai	
			Bản Nà Nghiu II	Bản Nà Hin II	
			Bản Nậm Ún	Bản Trại Giồng	
			Bản Nà Nghiu	Bản Cánh Kiến	
			Bản Thón	Bản Lê Hồng Phong	
			Bản Lươi Là	Bản Tây Hồ	
			Bản Nà Pàn II	Bản Quyết Thắng	
			Bản Huổi Cói	Bản Phiêng Pồng	
			Bản Mung	Bản Kéo	
			Bản Tân Hợp	Bản Lọng Lẩn	
			Bản Nà Hin	Bản Ngụ Hấu	
			Bản Phòng Sài	Bản Nong Léch	
			Bản Co Phường	Bản Tiên Phong	
			Bản Nà Pàn	Bản Bom Phung	
			Bản Sào Và	Bản Quyết Tâm	
			Bản Nang Cầu	Bản Hua Pàn	
			Bản Xum Côn	Bản Co Tồng	
			Bản Huổi Liu	Bản Phiêng Tò	
11	Xã Nậm Ty	2	8	15	25
		Bản Nà Tồng	Bản Pàn	Bản Nà Phung	
		Bản Mòn	Bản Nà Khựa	Bản Đứa	
			Bản Co Dâu	Bản Lọng Nghiu	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Nà Hay	Bản Huổi Tòng	
			Bản Nà Mện	Bản Nà Sèo	
			Bản Xê	Bản Hua Cắt	
			Bản Nà Há	Bản Búa Hụn	
			Bản Pá Men	Bản Nà Pàn	
				Bản Nà Hiếm	
				Bản Pá Lành	
				Bản Nà Lăn	
				Bản Xen Xay	
				Bản Phiêng Đìn	
				Bản Pá Lâu	
				Bản Huổi Cắt	
12	Xã Chiềng Phung	1	5	8	14
		Bản Nuốt Cồn	Bản Chiềng Vàng	Bản Củ Bú	
			Bản Chéo	Bản Nà Ban	
			Bản Pịn	Bản Nong Xô	
			Bản Huổi Tư	Bản Nà Sàng	
			Bản Co Khương	Bản Pá Trà	
				Bản Nà Lạt	
				Bản Huổi Lay	
				Bản Hua Và	
13	Xã Chiềng Sơ	0	10	14	24
			Bản Mường Bon	Bản Công	
			Bản Nà Sặng	Bản Phiêng Pe	
			Bản Nà Cản II	Bản Nà Luồng	
			Bản Mâm	Bản Đứa II	
			Bản Nà Cản	Bản Quảng Tiến	
			Bản Luẩn	Bản Huổi Cát	
			Bản Nà Lốc II	Bản Thắng Lợi	
			Bản Nà Lốc	Bản Ten Ư	
			Bản Phiêng Xa	Bản Công II	
			Bản Đứa	Bản Huổi Hịa	
				Bản Nà Tọ	
				Bản Sài Lương	
				Bản Tân Tiến	
				Bản Sài Lương II	
14	Xã Yên Hưng	0	6	16	22
			Bản Bang	Bản Huổi	
			Bản Nà Mừ	Bản Hải Hưng	
			Bản Pọng	Bản Pái	
			Bản Pảng	Bản Lệ	
			Bản Nà Lăn	Bản Tau Hay	
			Bản Sòng	Bản Bua	
				Bản Lụng Há	
				Bản Nà Dìa	
				Bản Nà Hạ	
				Bản Pá Pao	
				Bản Nà Nong	
				Bản Hua Mừ	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Tin Tốc	
				Bản Huổi Púng	
				Bản Hua Sòng	
				Bản Nà Đưa	
15	Xã Đứa Mòn	0	7	19	26
			Bản Đứa Mòn	Bản Phá Thổng	
			Bản Huổi Lếch	Bản Nộc Cốc II	
			Bản Tĩa	Bản Huổi Pật	
			Bản Cù	Bản Hua Thổng	
			Bản Hìn Pên	Bản Phiêng Nồng	
			Bản Tạng Sòn	Bản Nà Lốc	
			Bản Púng Núa	Bản Huổi Lạnh	
				Bản Nà Tầu	
				Bản Đứa Luông	
				Bản Ngam Trạng	
				Bản Nà Tầu II	
				Bản Huổi Phẳng	
				Bản Trá Lảy	
				Bản Nộc Cốc	
				Bản Púng Báng	
				Bản Huổi Lếch II	
				Bản Phiêng Muông	
				Bản Huổi Núa	
				Bản Hua Phẳng	
16	Xã Mường Lằm	1	4	8	13
		Bản Mường Nưa	Bản Lốm Hòm	Bản Mường Cang	
			Bản Ngày	Bản Hịa	
			Bản Sàng	Bản Mường Tợ	
			Bản Pá Có	Bản Lầu	
				Bản Tà Cọng	
				Bản Nà Và	
				Bản Phên	
				Bản Huổi Ến	
17	Xã Chiềng En	0	8	7	15
			Bản Lung	Bản Co Tông	
			Bản Lăng Mới	Bản Huổi Pàn	
			Bản Lọng Xảy	Bản Co Muông	
			Bản Nà Bó	Bản Pá Lung	
			Bản Hua Lung	Bản Hua Pát	
			Bản Huổi Han	Bản Huổi Púng	
			Bản Pá Ni	Bản Huổi Ến	
			Bản Ten		
18	Xã Bó Sinh	0	7	9	16
			Bản Phổng	Bản Dạ	
			Bản Phổng II	Bản Bó Sinh B	
			Bản Nà Niêng	Bản Huổi Tình	
			Bản Pát	Bản Bằng Mòn	
			Bản Pá Ma	Bản Bó Sinh	
			Bản Nong	Bản Huổi Tính	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Ngày	Bản Hìn Hụ	
				Bản Bó Kheo	
				Bản Pá Khoang	
19	Xã Pú Bấu	0	3	5	8
			Bản Hấp	Bản Huổi Lán	
			Bản Pá Ca	Bản Pha Hấp	
			Bản Háng Xía	Bản Pá Lâu II	
				Bản Pú Bấu	
				Bản Pá Lâu	
	Tổng số	16	134	261	411



Phụ lục 4

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/ QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Chiềng Đông	4	6	3	13
		Bản Chai	Bản Nhôm	Bản Huổi Siểu	
		Bản Luông Mé	Bản Chùm	Bản Keo Bó	
		Bản Đông Tấu	Bản Hượn	Bản Púng Khoai	
		Bản Na Pàn	Bản Huổi Pù		
			Bản Thên Luông		
			Bản Nặm Ứn		
2	Xã Chiềng Sàng	0	0	8	8
				Bản Mo	
				Bản Búng Mo	
				Bản Chiềng Kim	
				Bản Chiềng Sàng	
				Bản Chiềng Sàng 2	
				Bản Mai Ngập	
				Bản Đán	
				Bản Đán 2	
3	Xã Chiềng Păn	0	1	8	9
			Bản Boong Xanh	Bản Ngựa	
				Bản Thông Phiêng	
				Bản Sốp Sạng	
				Bản Phát	
				Bản Chiềng Phú	
				Bản Chiềng Thi	
				Bản Thàn	
				Bản Pang Hèo	
4	Xã Viêng Lán	0	1	4	5
			Bản Huổi Hẹ	Bản Kho Vàng	
				Bản Huổi Qua	
				Bản Nà Và	
				Bản Mường Vạt	
5	Xã Chiềng Khoi	0	0	6	6
				Bản Hiêm	
				Bản Pút	
				Bản Tùm	
				Bản Mé	
				Bản Na Đông	
				Bản Ngoàng	
6	Xã Sập Vạt	0	0	12	12
				Bản Bắ Đông	
				Bản Khổng	
				Bản Nà Khái	
				Bản Hìn Nam	
				Bản Nghè	
				Bản Mết Sai	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Thín	
				Bản Khả	
				Bản Na Pa	
				Bản Pa Sang	
				Bản Nhúng	
				Bản Noóng Khéo	
7	Xã Chiềng Hặc	0	0	15	15
				Huổi Mong	
				Nà Ngà	
				Huổi Sét	
				Đoàn Kết	
				Văng Lùng	
				Huổi Lắc	
				Tà Vài	
				Nà Phiêng	
				Bản Cang	
				Pa Hóc	
				Huổi Thón	
				Hang Hóc	
				Chi Đây	
				Bó Kiếng	
				Co Sáy	
8	Xã Mường Lựm	0	4	6	10
			Bản Khẩu Khoang	Bản Na Ban	
			Bản Mường Lựm	Bản Na Báng	
			Bản Mé	Bản Nà Lắng	
			Bản Ôn Ốc	Bản Na Ngua	
				Bản Đảo	
				Bản Pá Khôm	
9	Xã Tú Nang	2	5	17	24
		Tà Làng Thấp	Suối Bùn	Bản Lắc Kén	
		Hua Đán	Đông Khùa	Bản Suối Phà	
			Cổ Nông	Bản Cốc Cù	
			Tà Làng Cao	Bản Cung Giao	
			Văng Phay	Thông Đông Khùa	
				Bản Nàng Yên	
				Bản Tin Tộc	
				Bản Nà Khoang	
				Bản Nong Pét	
				Bản Chiềng Ban I	
				Bản Chiềng Ban II	
				Bản Trung Tâm	
				Bản Cốc Lắc	
				Bản Cung GT Tà Làng	
				Bản Tú Quỳnh	
				Bản Bó Mon	
				Bản Cô Tông	
				Bản Cây Ton	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
10	Xã Lăng Phiêng	1	7	4	12
		Bản Yên Thi	Bản Pha Cúng	Bản Quỳnh Phiêng	
			Bản Nong Đúc	Bản Cồ Chia	
			Bản Tà Vàng	Bản Quỳnh Châu	
			Bản Mơ Tươi	Bản Pa Sa	
			Bản Tô Buông		
			Bản Mô Than		
			Bản Nà Mùa		
11	Xã Chiềng Tương	1	4	4	9
		Bản Co Lắc	Bản Pa Kha I	Bản Bó Hin	
			Bản Pa Kha II	Bản Đin Chí	
			Bản Pa Kha III	Bản Pa Khôm	
			Bản Pom Khốc	Bản Đề A	
12	Xã Phiêng Khoài	1	16	13	30
		Bản Kim Chung I	Bản Cồn Huốt I	Bản Páo Cửa	
			Bản Ái II	Bản Lao Khô II	
			Bản Tà Ẽn	Bản Bó Rôm	
			Bản Con Khăm	Bản Quỳnh Chung	
			Bản Thanh Yên I	Bản Quỳnh Liên	
			Bản Ten Luông	Bản Hang Cấn	
			Bản Tam Thanh	Bản Cồn Huốt II	
			Bản Keo Muông	Bản Huổi Sai	
			Bản Kim Chung III	Bản Bó Sinh	
			Bản Kim Chung II	Bản Na Nhươi	
			Bản Hang Mon I	Bản Đán Đón	
			Bản Hang Mon II	Bản Nặm Bó	
			Bản Thanh Yên II	Bản Na Lù	
			Bản Ái I		
			Lao Khô I		
			Co Mon		
13	Xã Chiềng On	0	3	8	11
			Bản Tràng Nặm	Bản Keo Đồn	
			Bản Trạm Hốc	Bản A La	
			Bản Nà Đít	Bản Suối Cút	
			Bản Nà Dạ		
			Bản Nà Cài		
			Bản Bản Khuông		
			Bản Đin Chí		
			Bản Ta Liễu		
			Bản Co Tôm		
14	Xã Yên Sơn	0	9	3	12
			Bản Chiềng Hưng	Bản Bó Phương	
			Bản Chờ Lồng	Bản Yên Quỳnh	
			Bản Cồ Chia	Bản Chiềng Yên	
				Bản Quỳnh Sơn	
				Bản Đán I	
				Bản Đán	
				Bản Kim Sơn II	
				Bản Kim Sơn I	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
15	Thị trấn Yên Châu	0	0	6	6
				Tiểu khu 1	
				Tiểu khu 2	
				Tiểu khu 3	
				Tiểu khu 4	
				Tiểu khu 5	
				Tiểu khu 6	
	Tổng số	9	56	117	182



Phụ lục 5

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÓP CỘP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 8/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Dømm Cang	1	5	5	11
		Bản Dømm	Bản Huổi Dømm	Bản Pá Hốc	
			Bản Cang	Bản Huổi Yên	
			Bản Nà Khá	Bản Men	
			Bản Pật Pháy	Bản Huổi Nó	
			Bản Tồc Liu	Bản Lọng Phát	
2	Xã Mường Và	5	7	10	22
		Bản Pối Lanh	Bản Nghè Vèn	Bản Co Đũa	
		Bản Hốc Một	Bản Huổi Lầu	Bản Huổi Pốt	
		Bản Tông Hùm	Bản Nà Lừa	Bản Pá Khoang	
		Bản Mường Và	Bản Nà Khoang	Bản Nà Cang	
		Bản Cáp Ven	Bản Nà Mòn	Bản Lọng Ôn	
			Bản Huổi Ca	Bản Tặc Tè	
			Bản Huổi Niếng	Bản Púng Pàng	
				Bản Phá Thổng	
				Bản Huổi Dương	
				Bản Pá Vai	
3	Xã Sốp Cộp	4	0	7	11
		Bản Hua Mường		Bản Pe	
		Bản Sốp Cộp		Bản Nà Dĩa	
		Bản Ban		Bản Sốp Nặm	
		Bản Nà Lốc		Bản Co Hỉnh	
				Bản Pá Hốc	
				Bản Tả Cọ	
				Bản Nó Sài	
4	Xã Mường Lèo	0	3	10	13
			Bản Mạt	Bản Liềng	
			Bản Nặm Pừn	Bản Chăm Hỷ	
			Bản Huổi Luông	Bản Huổi Làn	
				Bản Huổi Áng	
				Bản Huổi Phúc	
				Bản Sam Quảng	
				Bản Nà Chòm	
				Bản Pá Khoang	
				Bản Nặm Khún	
				Bản Huổi Lạ	
5	Xã Mường Lạn	3	9	4	16
		Bản Mường Lạn	Bản Phiềng Pen	Bản Huổi Men	
		Bản Khá	Bản Cống	Bản Nà Vạc	
		Bản Nà Khi	Bản Huổi Lê	Bản Nặm Lạn	
			Bản Pu Hao	Bản Co Muông	
			Bản Cang Cối		
			Bản Nà Ân		
			Bản Pá Kạch		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Huổi Pá		
			Bản Nong Phụ		
6	Xã Púng Bành	1	9	3	13
		Bản Púng	Bản Kéo Hin	Bản Huổi Cốp	
			Bản Lầu	Bản Phá Thổng	
			Bản Phải	Bản Púng Cưởm	
			Bản Cọ		
			Bản Liêng		
			Bản Lùn		
			Bản Bánh		
			Bản Khá Nghịu		
			Bản Liễn Ban		
7	Xã Sam Kha	0	2	7	9
			Bản Sam Kha	Bản Nậm Tia	
			Bản Pu Sút	Bản Huổi Sang	
				Bản Púng Báng	
				Bản Phá Thổng	
				Bản Ten Lán	
				Bản Nà Trĩa	
				Bản Huổi My	
8	Xã Nậm Lạnh	0	5	6	11
			Bản Phổng	Bản Lọng Tòng	
			Bản Cang	Bản Nậm Lạnh	
			Bản Lạnh	Bản Hua Lạnh	
			Bản Púng Tòng	Bản Huổi Hịa	
			Bản Bánh Han	Bản Cang Kéo	
				Bản Pá Vai	
	Tổng số	14	40	52	106